TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q.HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2018
V/v "Tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Loan**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Văn Sanh** và ông **Hoàng Minh Trinh.**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Nhã Minh Hoàng** - Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Phan Đình Vui** - Cán bộ TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Đ -** sinh năm 1962; địa chỉ:26/26 đường D, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Th** - sinh năm 1961; địa chỉ:26/26 đường D, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt lần thứ 2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Trần Nhật V** – Sinh năm 1983, vắng mặt lần thứ 2.

- BàLê Ngọc Thùy Tr – Sinh năm: 1986, vắng mặt lần thứ 2.

- Ông **Trần Nhật H** – Sinh năm: 1992, vắng mặt lần thứ 2.

- Ông **Trần Nhật Hu** – Sinh năm: 1996, vắng mặt lần thứ 2.

Cùng địa chỉ:26/26 đường D, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 06/02/2018 và tại phiên tòa hôm nay ông Trần Đ trình bày:

Nguyên trước đây ông Đ và bà Nguyễn Thị Th là vợ chồng, đến ngày 25.10.2016 thì ông Đ và bà Th ly hôn theo bản án đã có hiệu lực pháp luật số 30/2016/HNGĐ-PT của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Khi ly hôn thì phần tài sản chung ông Đ và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn thì giữa ông Đ và bà Th không tự thỏa thuận được. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung gồm nhà ở và đất ở tại địa chỉ 26/26 đường D,

phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trị giá nhà và đất được định giá theo chứng thư thẩm định giá là **2.025.261.176đ** (*Hai tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi mốt ngàn, một trăm bảy mươi sáu đồng*). Ông Đ đồng ý giao cho bà Th nhà và đất nêu trên và bà Th có trách nhiệm trích trả lại cho ông Đ 50% giá trị nhà và đất là 1.012.630.588đ. Ông Đ thừa nhận ông Trần Nhật V có dựng một vách ngăn bằng thạch cao và chi phí do ông V trả khoảng 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tuy nhiên ông không đồng ý trả số tiền này cho ông V vì hiện nay vợ chồng ông V vẫn đang sinh sống tại đây.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày***:

Bà Th xác nhận, tài sản chung của bà và ông Đ gồm quyền sở hữu nhà ở và đất ở tại địa chỉ 26/26 đường D, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Khi ly hôn, ông Đ và bà Th tự thỏa thuận chia tài sản chung, tuy nhiên đến nay không tự thỏa thuận được. Nay ông Trần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là ngôi nhà tại địa chỉ K26/26 đường D, Đà Nẵng thì bà Th đồng ý chia. Bà Th đồng ý với kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value. Bà yêu cầu được nhận nhà và trích trả lại tiền cho ông Đ.

Đối với những tài sản mà bà Th trình bày trong bản tự khai là: 1 chiếc xe hơi, 1 chiếc xe Lead, và những tài sản khác bên Lào thì bà Th không cung cấp được giấy tờ chứng minh nên bà Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với lô đất 26/24 Duy Tân, Đà Nẵng thì ông bà đã tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình sinh sống tại ngôi nhà K26/26 đường D, thành phố Đà Nẵng, vợ chồng con trai bà là Trần Nhật V và Lê Ngọc Thùy Tr có sửa chữa nhà. Vì vậy bà đề nghị Tòa án trừ phần đóng góp sửa chữa nhà cho vợ chồng con trai bà Th là ông Trần Nhật V và bà Lê Ngọc Thùy Tr, rồi mới chia tài sản chung của ông Đ với bà.

* **Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Nhật V trình bày**: Nhà và đất tại K26/26 đường D, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung cha, mẹ ông. Năm 2015 vợ chồng ông V đã bỏ tiền ra sửa chữa ngôi nhà với giá 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), trong đó sửa nhà vệ sinh tầng trệt, tầng 2, ốp thạch cao toàn bộ tầng và la phong tầng 3, làm lại hệ thống điện nước và sắm thiết bị vệ sinh tầng 2 và tầng trệt. Khi sửa nhà ông V không có xin phép địa phương. Nếu tòa án chia tài sản nhà K26/26 đường D, thành phố Đà Nẵng cho cha mẹ ông thì ông V chỉ muốn ba, mẹ ông mua cho anh em ông V mỗi người một căn hộ chung cư để ở, đồng thời trả lại cho vợ chồng ông V phần xây dựng 100.000.000đ.

*** Quá trình giải quyết vụ án bàLê Ngọc Thùy Tr, ông Trần Nhật H, Ông Trần Nhật Hu thống nhất như lời trình bày của ông V.**

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông Đ và bà Th đều thừa nhận tài sản trên là do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân vào năm 2001 nên căn cứ vào Điều 59 Luật hôn nhân gia đình quy định và ý kiến của ông Trần Đ tại phiên tòa cần chia đôi tài sản trên theo kết quả thẩm định tổng giá trị tài sản là 2.025.261.176đ và bà Nguyễn Thị Thương có trách nhiệm thối trả lại giá trị theo kết quả thẩm định vì bà Th được nhận ngôi nhà trên.

Về phần yêu cầu của ông Trần Nhật V và Bà Lê Ngọc Thùy Tr: Vợ chồng ông V đề nghị Tòa án tính công sức đóng góp sửa chữa đối với căn nhà 26/26 đường D, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với số tiền vợ chồng ông V bỏ ra xây dựng là 100.000.000đ thì thấy rằng: vào ngày 12.6.2018 Tòa án nhân dân quận Hải Châu ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập nhưng vợ chồng ông V không nộp tiền tạm ứng án phí nên đề nghị Tòa án không giải quyết, nếu vợ chồng ông V có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2} Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa hôm nay ông Đ yêu cầu tòa án chia tài sản chung của ông và bà Th sau ly hôn, cụ thể: Ông Đ đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu và sử dụng nhà và đất ở tại 26/26 đường D, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, đồng thời bà Th có trách nhiệm trích trả cho ông 50% giá trị nhà và đất là 1.012.630.588đ.

Xét yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của ông Đ thì thấy:

Tài sản chung của ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị Th sau ly hôn là nhà và đất ở tại 26/26 đường D, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401074203 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28.11.2001 cho ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị Th. được định giá theo chứng thư thẩm định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá BTC Value phát hành ngày 15.5.2018 là **2.025.261.176đ** (*Hai tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi mốt ngàn, một trăm bảy mươi sáu đồng*).

HĐXX xét thấy, tại phiên tòa hôm nay bà Th vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết, bà Th trình bày có nhu cầu về nơi ở, hiện nay bà Th và các con của bà Th và ông Đ đang sinh sống tại địa chỉ trên, còn ông Đ có nguyện vọng nhận 50% giá trị nhà và đất nêu trên bằng tiền.Vì vậy cần giao ngôi nhà và đất nêu trên cho bà Th sở hữu và sử dụng. Bà Th có trách nhiệm trích trả cho ông Đ 50% giá trị nhà và đất là 1.012.630.588đ khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Nguyễn Thị Th có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được giao.

Đối với yêu cầu của ông Trần Nhật V và bàLê Ngọc Thùy Tr đề nghị Tòa án khi giải quyết chia tài sản chung của ông Đ và bà Th thì trích lại só tiền 100.000.000 đồng trả cho vợ chồng ông vì vợ chồng ông đã góp số tiền này vào xây dựng, sửa chữa ngôi nhà nêu trên. HĐXX xét thấy: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập cho ông Trần Nhật V và bà Lê Ngọc Thùy Tr nhưng ông bà vẫn không nộp tạm ứng án phí yêu cầu độc lập. Vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu trên. Nếu ông V và bà Tr tiếp tục yêu cầu thì phải làm đơn khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

- Đối với ý kiến của ông Trần Nhật V, bà Lê Ngọc Thùy Tr, ông Trần Nhật H, ông Trần Nhật Hu đề nghị khi ông Đ, bà Th chia tài sản chung thì ông Đ, bà Th phải mua cho ông V, ông H, ông Hu mỗi người 01 căn hộ chung cư. HĐXX thấy nguyện vọng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ nêu trên có được đáp ứng hay không là do ông Đ, bà Th quyết định. HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí:

Ông Trần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được chia là 42.378.917 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 1291 ngày 09/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng. Ông Đ phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được nhận là 21.378.917 đồng.

Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được chia là 42.378.917 đồng.

- Chi phí thẩm định giá là 8.500.000 đồng ông Trần Đ, bà Nguyễn Thị Th phải chịu. Ông Đ đã nộp chi phí tạm ứng, do vậy bà Th phải trả lại cho ông Đ 50% số tiền tạm ứng là 4.250.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chi phí xem xét tại chỗ ông Đ tự nguyện chịu (đã nộp và chi phí xong).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ về việc"Chia tài sản chung sau ly hôn" đối với bà Nguyễn Thị Th.

Xử: Bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu và sử dụng nhà và đất ở tại 26/26 đường D, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401074203 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28.11.2001 cho ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị Th.

Bà Nguyễn Thị Th có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được giao.

+ Bà Nguyễn Thị Th phải trích trả cho ông Trần Đ số tiền 1.012.630.588đ (*Một tỷ, không trăm mười hai triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

- Do ông Trần Nhật V và bà Lê Ngọc Thùy Tr không nộp tạm ứng án phí yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu độc lập của ông V, bàTr. Nếu ông V và bàTr tiếp tục yêu cầu thì phải làm đơn khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

- Đối với ý kiến của ông Trần Nhật V, bàLê Ngọc Thùy Tr, ông Trần Nhật H, ông Trần Nhật Hu đề nghị khi ông Đ, bà Th chia tài sản chung thì ông Đ, bà Th phải mua cho ông V, ông H, ôngHu mỗi người 01 căn hộ chung cư. HĐXX thấy nguyện vọng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ nêu trên có được đáp ứng hay không là do ông Đ, bà Th quyết định. HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. **Về án phí:**

- Ông Trần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được chia là 42.378.917 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 1291 ngày 09/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng. Ông Đ phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được nhận là 21.378.917 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được chia là 42.378.917 đồng.

- Chi phí thẩm định giá là 8.500.000 đồng ông Trần Đ, bà Nguyễn Thị Th phải chịu. Ông Đ đã nộp chi phí tạm ứng, do vậy bà Th phải trả lại cho ông Đ 50% số tiền tạm ứng là 4.250.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chi phí xem xét tại chỗ ông Đ tự nguyện chịu (đã nộp và chi phí xong).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50%

mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Hồng Loan

Nơi nhận:
- *Các đương sự*;
- *VKSND Q Hải Châu*;
- *Chi cục THADS Q.Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

1